

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 20

330  
10  
NIỆM  
TỔ  
I T  
IỐC  
ẤY

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Số 61 ngõ 562 đường Láng, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Trương Sơn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Gia Long	Tổng Giám đốc (Đến ngày 14 tháng 02 năm 2011)
Ông Trương Sơn Hiền	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2011)
Ông Phan Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 14 tháng 02 năm 2011)
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trương Sơn Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
 Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
 Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2462/2011/BCSX-IFC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011**  
**đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tài nguyên**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
 Công ty Cổ phần Tài nguyên

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tài nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 20 tháng 08 năm 2011 từ trang 4 đến trang 20 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2011

  
**Nguyễn Thế Mạnh**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0032/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.830.836.010</b>	<b>59.580.390.578</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.908.116.317</b>	<b>10.104.178.972</b>
1. Tiền	111	5.1	13.908.116.317	10.104.178.972
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>334.186</b>	<b>1.240.130.700</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		334.186	1.240.130.700
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>62.730.038.366</b>	<b>28.311.097.924</b>
1. Phải thu khách hàng	131		36.624.000.000	12.600.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		935.960.000	481.261.500
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	25.170.078.366	15.229.836.424
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>4.254.626.736</b>	<b>5.299.843.101</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.254.626.736	5.299.843.101
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.937.720.405</b>	<b>14.625.139.881</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		224.875.722	215.579.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		710.916.871	409.559.992
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		827.812	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.001.100.000	14.000.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>67.186.020.881</b>	<b>61.224.395.465</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.198.503.833</b>	<b>25.335.214.962</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	25.028.224.060	25.201.221.719
- Nguyên giá	222		26.913.725.986	26.913.725.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.885.501.926)	(1.712.504.267)
3. Tài sản cố định vô hình	227		62.536.530	26.250.000
- Nguyên giá	228		74.365.000	27.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.828.470)	(750.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		107.743.243	107.743.243
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>41.328.149.502</b>	<b>35.069.503.659</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	41.128.149.502	34.869.503.659
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	200.000.000	200.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>659.367.546</b>	<b>819.676.844</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		659.367.546	819.676.844
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>153.016.856.891</b>	<b>120.804.786.043</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>52.230.196.084</b>	<b>16.665.933.882</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.032.953.084</b>	<b>15.219.438.882</b>
2. Phải trả người bán	312		23.185.800.000	72.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	13.692.926	5.147.438.882
5. Phải trả người lao động	315		148.360.158	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		27.685.100.000	10.000.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.197.243.000</b>	<b>1.446.495.000</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.10	1.197.243.000	1.446.495.000
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>98.085.880.919</b>	<b>103.982.268.456</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>98.085.880.919</b>	<b>103.982.268.456</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.920.880.919	16.817.268.456
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.700.779.888</b>	<b>156.583.705</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>153.016.856.891</b>	<b>120.804.786.043</b>



**Trương Sơn Hiền**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

**Chu Thị Thanh Vân**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU B 02-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	60.000.000	12.007.278.909
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.000.000	12.007.278.909
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	270.000.000	1.898.240.492
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(210.000.000)	10.109.038.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.732.603	828.528.166
7. Chi phí tài chính	22	6.4	875.816.060	70.197.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		875.816.060	70.197.590
8. Chi phí bán hàng	24		-	27.192.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.580.940.228	1.766.656.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.658.023.685)	9.073.520.488
11. Thu nhập khác	31		28.671.200	1.050.548.175
12. Chi phí khác	32		1.991.780.037	747.356.131
13. Lợi nhuận khác	40		(1.963.108.837)	303.192.044
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(696.454.157)	(416.654.524)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.317.586.679)	8.960.058.008
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	-	2.376.874.664
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.317.586.679)	6.583.183.344
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(421.199.142)	(5.698.503)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(5.896.387.537)	6.588.881.847
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	(694)	775



**Trương Sơn Hiền**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

**Chu Thị Thanh Vân**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU B 03-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	293.700.000	16.788.811.701
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.562.668.035)	(4.700.199.280)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.171.439.589)	(1.013.863.003)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(139.559.546)	(70.197.590)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.066.163.267)	(322.604.500)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.286.597.468	6.052.771.456
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(17.654.450.289)	(3.711.988.719)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.986.016.742</b>	<b>13.022.730.065</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(53.890.909)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	1.170.000.000	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.615.100.000)	(7.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	583.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	512.272.603	713.122.512
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.932.827.397)</b>	<b>4.643.031.603</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	170.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(249.252.000)	(11.385.002.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(249.252.000)</b>	<b>(6.215.002.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.803.937.345</b>	<b>11.450.759.668</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.104.178.972</b>	<b>11.476.386.570</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>13.908.116.317</b>	<b>22.927.146.238</b>



**Trương Sơn Hiền**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

**Chu Thị Thanh Vân**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011, theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1 cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018230 đăng ký thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 02 tháng 10 năm 2009, lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sản giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).



## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

## **3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty có 3 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- 1 - Tên Công ty : Công ty TNHH Tài nguyên và Khoáng sản Hà Nội - Điện Biên  
Địa chỉ : Xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên  
Hoạt động chính : Khai thác khoáng sản  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2011 : 31.915.517.036 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
- 2 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản bất động sản Tài Nguyên  
Địa chỉ : Tầng 1, nhà N2A, đường Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội  
Hoạt động chính : Kinh doanh dịch vụ bất động sản  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2011 : 3.380.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52%
- 3 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần bất động sản Tài Nguyên Hà Nội  
Địa chỉ : Tầng 1, nhà N2A, đường Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội  
Hoạt động chính : Xây dựng nhà các loại, bán buôn xi măng sắt thép...  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2011 : 25.877.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 93,6%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 93,6%

### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	18
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

### **Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	13.859.873.115	8.609.364.139
Tiền gửi ngân hàng	48.243.202	1.494.814.833
<b>Cộng</b>	<b>13.908.116.317</b>	<b>10.104.178.972</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	334.186	1.240.130.700
<b>Cộng</b>	<b>334.186</b>	<b>1.240.130.700</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cho vay	24.000.000.000	15.000.000.000
Phải thu khác	1.170.078.366	229.836.424
<b>Cộng</b>	<b>25.170.078.366</b>	<b>15.229.836.424</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.865.839	59.865.839
Chi phí SXKD dở dang	3.097.442.297	2.347.658.662
Hàng hóa	1.097.318.600	2.892.318.600
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>4.254.626.736</b>	<b>5.299.843.101</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	4.001.100.000	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.001.100.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Số 61 ngõ 562 đường Láng, Phường Láng Hạ  
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn hoạt động từ ngày  
01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÀU SỐ B09 - DN/HN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2011	15.155.189.676	7.427.691.895	4.137.109.393	193.735.022	26.913.725.986
Mua trong năm	-	-	-	-	-
hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại 30/06/2011	15.155.189.676	7.427.691.895	4.137.109.393	193.735.022	26.913.725.986
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2011	533.221.940	715.371.878	382.905.483	81.004.966	1.712.504.267
Khấu hao trong kỳ	-	-	141.896.370	31.101.289	172.997.659
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại 30/06/2011	533.221.940	715.371.878	524.801.853	112.106.255	1.885.501.926
<b>GIÁ TRỊ CÒN</b>					
Tại 01/01/2011	14.621.967.736	6.712.320.017	3.754.203.910	112.730.056,00	25.201.221.719
Tại 30/06/2011	14.621.967.736	6.712.320.017	3.612.307.540	81.628.767	25.028.224.060

**5.7 Đầu tư và công ty liên kết, liên doanh**

	Giá gốc của khoản đầu tư	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến đầu năm nay	Các khoản điều chỉnh trong năm nay	Số dư cuối năm nay
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	13.500.000.000	(1.871.042.617)	(657.713.269)	10.971.244.114
Góp vốn liên doanh Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (**)	7.600.000.000	(74.353.724)	(38.740.888)	7.486.905.388
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (***)	22.670.000.000	-	-	22.670.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.770.000.000</b>	<b>(1.945.396.341)</b>	<b>(696.454.157)</b>	<b>41.128.149.502</b>

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(\*\*) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài Nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 38%.

(\*\*\*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài Nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

**5.8 Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5600214066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên cấp ngày 03 tháng 02 năm 2010. vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là khai thác và chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là 10%.



**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	206.685.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.910.745.981
Thuế thu nhập cá nhân	13.692.926	2.073.586
Thuế tài nguyên	-	9.008.700
Các loại thuế khác	-	4.405.133
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.520.000
<b>Cộng</b>	<b>13.692.926</b>	<b>5.147.438.882</b>

**5.10 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	285.000.000	330.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đông Á (**)	287.493.000	402.495.000
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế (***)	624.750.000	714.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.197.243.000</b>	<b>1.446.495.000</b>

(\*) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 1/SGD-PGDTT-CC/BD ngày 03 tháng 08 năm 2009. Mục đích là để mua xe ô tô Innova. Thời gian vay là 60 tháng. Lãi suất của khoản vay này được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng hải cộng (+) với 4%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*) Đây là khoản vay theo hợp đồng số 15.200909.03/HĐTĐ ngày 23 tháng 09 năm 2009. Mục đích là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Kamaz. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 0.875%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của SeaBank trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*\*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 10.11.10.116 ngày 24 tháng 12 năm 2010. Mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Camry. Thời gian vay là 48 tháng. Lãi suất của khoản vay này được xác định tại thời điểm giải ngân là 19%/năm áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 3 tháng của VIB cộng (+) 5%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại mỗi thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	442.665.800	442.665.800
Trong năm thứ 2	561.163.400	442.665.800
Từ năm thứ 3 trở đi	193.413.800	561.163.400
<b>Cộng</b>	<b>1.197.243.000</b>	<b>1.446.495.000</b>

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	85.000.000.000	2.165.000.000	2.356.082.178	89.521.082.178
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	14.461.186.278	14.461.186.278
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2011	85.000.000.000	2.165.000.000	16.817.268.456	103.982.268.456
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	(5.896.387.537)	(5.896.387.537)
Tăng khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>2.165.000.000</b>	<b>10.920.880.919</b>	<b>98.085.880.919</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2011 Cổ phần	01/01/2011 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phần phổ thông	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
- Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phần phổ thông	8.500.000	8.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phần

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>60.000.000</b>	<b>12.007.278.909</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	-	1.845.092.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.000.000	10.162.186.909

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	270.000.000	1.763.240.492
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	135.000.000
<b>Cộng</b>	<b>270.000.000</b>	<b>1.898.240.492</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.732.603	828.528.166
<b>Cộng</b>	<b>8.732.603</b>	<b>828.528.166</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	875.816.060	70.197.590
<b>Cộng</b>	<b>875.816.060</b>	<b>70.197.590</b>

**6.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	(6.317.586.679)	8.960.058.008
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: các khoản thu nhập và chi phí không chịu thuế	-	(546.160.648)
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	-	1.280.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(6.317.586.679)</b>	<b>9.507.498.656</b>
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	-	2.376.874.664
Thuế TNDN được giảm (*)	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.376.874.664</b>

**6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(5.896.387.537)	6.588.881.847
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	8.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(694)</b>	<b>775</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan:

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đất vàng Thăng Long	-	300.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.155.100.000	4.400.000.000
Góp vốn liên doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	1.800.000.000	-

**7.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của 6 tháng đầu năm 2010 đã được hợp nhất của Công ty Cổ phần Tài nguyên đã được soát xét.



**Trương Sơn Hiền**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2011

**Chu Thị Thanh Vân**  
**Kế toán trưởng**